

CHI CỤC KIỂM LÂM TỈNH GIA LAI
HẠT KIỂM LÂM KHU VỰC KBANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ CHI TIẾT

(Kèm theo Thông báo số: /TB-HKB, ngày /7/2026 của Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang)

Số TT	Số, ngày quyết định	Đơn vị chủ trì quản lý tài sản	Tài sản bị tịch thu					Tình trạng, chất lượng	Giá trị tài sản (đồng)
			Phương tiện	Lâm sản					
				Tên gỗ	Đơn vị tính	Số lượng	Khối lượng/ trọng lượng		
1	876/QĐ-TT/ 11/12/2024	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Giổi, Bằng lăng	m ³	22	1,662	Nứt tim	16.844.000
2	878/QĐ-TT/ 30/12/2024	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Giổi, Sp7	m ³	05	0,246	Nứt nẻ, mục giác	2.107.200
			02 chiếc xe máy độ chế không số khung, số máy					Hư hỏng, rỉ, sét	980.000
3	879/QĐ-TT/ 06/01/2025	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Re xanh	m ³	12	1,149	Nứt tim	6.319.500

4	880/QĐ-TT/ 09/01/2025	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Ké, Mít	m ³	09	1,494	Nứt nẻ, mục giác	5.613.000
5	881/QĐ-TT/ 13/01/2025	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Bời lời, Sp5	m ³	09	1,147	Nứt nẻ, mục giác	5.445.250
6	882/QĐ-TT/ 13/01/2025	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Giỏi	m ³	14	0,479	Nứt nẻ	7.260.000
7	883/QĐ-TT/ 13/01/2025	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang	02 chiếc xe máy độ chế không số khung, số máy					Hư hỏng, rỉ, sét	1.008.000
8	884/QĐ-TT/ 14/01/2025	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Bằng lăng	m ³	03	0,093	Nứt nẻ	8.000.000
			01 chiếc xe máy độ chế không số khung, số máy					Hư hỏng, rỉ, sét	504.000
9	885/QĐ-TT/ 14/01/2025	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Sp7	m ³	01	0,097	Mục giác	329.800
			01 chiếc xe máy độ chế không số khung, số máy					Hư hỏng, rỉ, sét	504.000
10	877/QĐ-TT/ 18/12/2024	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Trám trắng	m ³	05	3,782	Nứt tim, mục giác	13.237.000

11	874/QĐ-TT/ 14/10/2024	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Sp5	m ³	22	2,692	Nứt nẻ, mục giác	12.865.600
12	875/QĐ-TT/ 11/11/2024	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Sp5	m ³	02	0,285	Nứt nẻ, mục giác	2.547.500
			01 chiếc xe máy độ chế không số khung, số máy					Hư hỏng, rỉ, sét	980.000
13	886/QĐ-TT/ 07/3/2025	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Giỏi	m ³	15	0,703	Nứt nẻ	8.436.000
			01 chiếc xe ô tô con loại 7 chỗ ngồi, không BKS, không số khung, số máy					Hư hỏng, rỉ, sét	8.436.000
14	887/QĐ-TT/ 03/4/2025	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Bời lồi	m ³	06	1,160	Nứt nẻ	6.746.500
15	888/QĐ-TT/ 12/5/2025	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Re xanh	m ³	09	1,621	Nứt nẻ	10.536.500
16	890/QĐ-TT/ 04/8/2025	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Giỏi, Ké	m ³	11	1,680	Nứt nẻ	11.522.000
17	891/QĐ-TT/ 04/8/2025	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Giỏi	m ³	13	0,769	Nứt nẻ	9.924.000

18	892/QĐ-TT/ 27/8/2025	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Chay, Sp6	m ³	06	2,383	Nứt nẻ, mục giác	10.400.500
19	001/QĐ-TT/ 26/9/2025	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Giỏi	m ³	31	1,620	Nứt nẻ	19.440.000
20	599/QĐ- XPHC/ 23/9/2025	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Re	m ³	04	0,249	Nứt nẻ	921.300
21	002/QĐ-TT/ 16/10/2025	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Giỏi, Xoan đào	m ³	03	0,190	Nứt nẻ	3.127.500
			03 chiếc xe máy độ chế không số khung, số máy					Hư hỏng, rỉ, sét	1.470.000
22	605/QĐ- XPHC/ 14/10/2024	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Hương	m ³	02	0,066	Nứt nẻ	1.716.000
23	606/QĐ- XPHC/ 08/11/2024	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Trám hồng	m ³	02	0,520	Nứt nẻ, mục giác	2.496.000
24	002/QĐ-TT/ 09/12/2025	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Giỏi, Lim xẹt, Mít nài	m ³	15	1,689	Nứt nẻ	8.992.000
25	004/QĐ-TT/ 12/12/2025	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Giỏi	m ³	15	1,380	Nứt nẻ	22.080.000

26	003/QĐ-TT/ 09/12/2025	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Sp5	m ³	02	0,112	Nứt nẻ, mục giác	448.000
			02 chiếc xe máy độ chế không số khung, số máy					Hư hỏng, rỉ, sét	938.000
27	005/QĐ-TT/ 16/12/2025	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Sp5	m ³	02	0,135	Nứt nẻ, mục giác	540.000
			02 chiếc xe máy độ chế không số khung, số máy					Hư hỏng, rỉ, sét	938.000
28	006/QĐ-TT/ 16/12/2025	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Sp5	m ³	02	0,176	Nứt nẻ, mục giác	683.400
			02 chiếc xe máy độ chế không số khung, số máy					Hư hỏng, rỉ, sét	938.000
29	007/QĐ-TT/ 16/12/2025	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Trâm tía	m ³	15	1,413	Nứt nẻ	6.300.000
30	008/QĐ-TT/ 31/12/2025	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Sp5	m ³	02	0,120	Nứt nẻ, mục giác	480.000
			01 chiếc xe máy độ chế không số khung, số máy					Hư hỏng, rỉ, sét	469.000

31	010/QĐ-TT/ 05/01/2026	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Chò chi	m ³	06	1,397	Nứt nẻ	6.286.500
32	011/QĐ-TT/ 07/01/2026	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Giổi	m ³	12	1,454	Nứt nẻ	18.021.000
33	012/QĐ-TT/ 07/01/2026	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Khế	m ³	02	0,324	Nứt nẻ	1.198.800
34	012/QĐ- XPHC/ 08/01/2026	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Hương	kg		100	Bình thường	1.200.000
35	014/QĐ-TT/ 12/01/2026	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Chay	m ³	04	0,388	Nứt nẻ	1.552.000
36	015/QĐ-TT/ 15/01/2026	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Sp5	m ³	05	0,667	Nứt nẻ, mục giác	2.905.500
37	607/QĐ- XPHC/ 31/12/2024	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Sp5	m ³	02	0,248	Nứt nẻ, mục giác	992.000
			01 cửa xăng không nhãn hiệu					Hư hỏng	33.500
38	608/QĐ- XPHC/ 24/02/2025	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Giẻ trắng	m ³	20	0,373	Nứt nẻ	447.600
			01 cửa xăng không nhãn hiệu					Hư hỏng	33.500

39	889/QĐ-TT/ 09/6/2025	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Gội tía	m ³	02	2,485	Nứt nẻ	15.596.500
40	611/QĐ- XPHC/ 24/4/2025	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Mít nài, Sp5	m ³	04	0,545	Nứt nẻ, mục giác	3.947.500
41	612/QĐ- XPHC/ 12/5/2025	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Sp5	m ³	04	0,548	Nứt nẻ, mục giác	2.466.000
42	613/QĐ- XPHC/ 14/5/2025	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Re	m ³	04	0,188	Nứt nẻ	695.600
43	614/QĐ- XPHC/ 14/5/2025	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Re	m ³	16	1,168	Nứt nẻ	4.321.600
44	615/QĐ- XPHC/ 14/5/2025	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Re	m ³	20	1,606	Nứt nẻ	5.942.200
45	616/QĐ- XPHC/ 26/5/2025	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Sp5	m ³	04	0,560	Nứt nẻ, mục giác	2.674.000
46	618/QĐ- XPHC/ 19/8/2025	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Hương	kg		250	Bình thường	2.000.000
47	001/QĐ- XPHC/ 11/9/2025	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Giỏi	m ³	08	0,748	Nứt nẻ	6.335.500
			01 cửa xăng không nhãn hiệu					Hư hỏng	33.500

48	003/QĐ- XPHC/ 26/9/2025	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Bằng lăng, Sp5	m ³	03	0,502	Nứt nẻ	3.136.500
49	004/QĐ- XPHC/ 10/10/2025	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Giỏi	m ³	30	0,334	Nứt nẻ	3.674.000
50	005/QĐ- XPHC/ 24/10/2025	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Hương	m ³	32	0,328	Nứt nẻ	7.544.000
51	006/QĐ- XPHC/ 23/12/2025	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Re	m ³	02	0,399	Nứt nẻ	2.793.000
52	008/QĐ- XPHC/ 31/12/2025	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Sp7	m ³	04	0,983	Nứt nẻ	2.390.200
			01 cửa xăng không nhãn hiệu					Hư hỏng	31.000
53	009/QĐ- XPHC/ 31/12/2025	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Hương, Lim xẹt, Sp5	m ³	33	0,354	Nứt nẻ	1.756.000
54	001/QĐ- XPHC/ 28/01/2026	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Giỏi, Xoan, Mít nài, Sp5	m ³	25	2,479	Nứt nẻ	17.357.500
55	002/QĐ- XPHC/ 06/02/2026	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Gội đỏ	m ³	06	0,668	Nứt nẻ	2.597.000
			01 cửa xăng không nhãn hiệu					Hư hỏng	31.000

56	003/QĐ- XPHC/ 13/3/2026	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Sp3	m ³	08	0,392	Nút nẻ	1.677.400
			01 cửa xăng không nhãn hiệu					Hư hỏng	31.000
57	004/QĐ- XPHC/ 18/3/2026	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Hương	m ³	05	0,178	Nút nẻ	3.026.000
			01 cửa tay không nhãn hiệu						50.000
58	007/QĐ- XPHC/ 20/4/2026	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Hương, Sơn huyết, Giỏi, Sp5	m ³	27	2,576	Nút nẻ	19.524.600
59	006/QĐ- XPHC/ 16/4/2026	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Sp5	m ³	03	2,030	Nút nẻ	6.693.400
			01 cửa xăng không nhãn hiệu					Hư hỏng	31.000
60	009/QĐ- XPHC/ 16/4/2026	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Sp5	m ³	02	0,369	Nút nẻ	1.660.500
61	008/QĐ- XPHC/ 24/4/2026	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Bằng lăng	m ³	02	1,121	Nút nẻ	5.044.500
62	010/QĐ- XPHC/ 08/5/2026	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Bằng lăng	m ³	02	0,549	Nút nẻ	2.384.700

63	011/QĐ- XPHC/ 13/5/2026	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang		Dạ hương	m ³	21	1,560	Nứt nẻ	8.689.000
			01 cửa xăng không nhãn hiệu					Hư hỏng	31.000
64	016/QĐ- XPHC/ 19/5/2026	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang	01 chiếc xe ô tô khách loại 16 chỗ ngồi, không BKS, không số khung, số máy					Hư hỏng, rỉ, sét	10.050.000
65	852/QĐ-TT/ 31/10/2023	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang	01 chiếc xe ô tô khách loại 16 chỗ ngồi, BKS 81B1.011.05					Hư hỏng, rỉ, sét	9.750.000
66	2243/QĐ- TTTTVPT/ 31/12/2021	Hạt Kiểm lâm khu vực Kbang	01 chiếc xe ô tô khách, loại 16 chỗ ngồi, BKS 78K- 8330					Hư hỏng, rỉ, sét	12.000.000
	TỔNG CỘNG		04 chiếc xe ô tô 17 chiếc xe máy 08 cửa xăng 01 cửa tay			577 lóng, thanh, hộp	56,633 m³ 350 kg Hương		421.159.650